TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/DS- PT
Ngày 24/01/2018.
V/v : "Tranh chấp về QSDĐ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Minh Hiền.
Các thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.
Ông Nguyễn Như Hiển.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Dung - Cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Nguyễn Đức Sơn– Kiểm sát viên.

Ngày 24/01/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2017/TLPT-DS ngày 26/10/2017 về: "Tranh chấp về QSDĐ".

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 25/2017/DSST ngày 28/7/2017 của Toà án nhân dân huyện Y bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 115/2017/QĐ-PT ngày 13/12/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2017/QĐ-PT ngày 25/12/2017 giữa:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Ng, sinh năm 1955- vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1980 - Con gái bà Ng - (Có mặt).

Đều cùng địa chỉ: Phố T, thị trấn B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

+ Bị đơn: Anh Phan Văn N, sinh năm 1965 - (Có mặt).

Địa chỉ: Phố T, thị trấn B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Bùi Thị H, sinh năm 1980 – Con gái bà Ng, (có mặt);

Địa chỉ: Phố T, thị trấn B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Lê Đình Ch, sinh năm 1969 - Chồng của chị H (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang.

3. Chị Bùi Thị M, sinh năm 1977 – Con gái bà Ng (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên - Ủy quyền chị H.

4. Chị Đặng Thị H1, sinh năm 1968 – Vợ anh N, (vắng mặt);

5. Ông Phan Văn H2, sinh năm 1959 - Anh trai N (vắng mặt).

Đều cùng địa chỉ: Phố T, thị trấn B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

6. Bà Phan Thị Th, sinh năm 1951 – Chị gái anh N (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 251 đường C, phường H, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

7. Ông Phan Văn Kh, sinh năm 1961 – Anh trai N (vắng mặt).

Địa chỉ: Phố T, thị trấn B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

8. Bà Phan Thị Thu H3, sinh năm 1969 - Em gái anh N (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 14 đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

9. Bà Phan Thị Vân D, sinh năm 1971 – Em gái anh N (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 292 lô 8, phố Đặng Thai Mai, phường Phức Đồng, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

10. Bà Đặng Thị Th1, sinh năm 1960 - Vợ anh Phan Văn Tr (Anh trai của anh N-đã chết) - (có đơn xin vắng mặt).

11. Anh Phan Quốc C, sinh năm 1994 – Con trai anh N (vắng mặt).

Đều cùng địa chỉ: Phố T, thị trấn B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

12. Chị Phan Khánh H4, sinh năm 1991 - Con gái anh N (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu L, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

(Chị H1, ông Kh, ông H2, bà Th, chị D, bà H3, chị H4, bà Th và anh C đều ủy quyền cho anh N đại diện).

13. UBND thị trấn B do ông Lương Quang K – Cán bộ địa chính đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền lập ngày 04/5/2017 - (Có đơn xin vắng mặt).

14. Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang do ông Nguyễn Văn Q - Phó trưởng phòng Tài nguyên & Môi trường huyện đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền số 554/UBND-TNMT ngày 31/5/2017 của Chủ tịch UBND huyện Y - (có đơn xin vắng mặt).

NHẬN THẤY

Nguyên đơn là bà Đỗ Thị Ng do chị Bùi Thị H là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Năm 1997, ông Bùi Khắc T là chồng của bà Ng đã mua của cụ Phan Văn Nh (bố anh N) 01 thửa đất, trên đất có 01 nH1 cấp bốn, 01 bếp và phần sân sau bếp. Do ông T chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên 02 bên chỉ làm gấy tờ mua bán viết tay và không ghi diện tích đất khi chuyển nhượng. Khi mua xong đất của ông T thì vợ chồng bà Ng chuyển về sống ngay tại nhà và đất này. Khoảng mấy tháng sau thì vợ chồng bà Ng đã cán xi măng vôi phần đất ở phía sau tường của nhà bếp. Năm 1998, ông T chết. Khoảng năm 2000 thì bà Ng đã làm thủ tục đề nghị UBND huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà đã nộp bản gốc "Giấy mua bán" giữa ông T và cụ Nh cho ông Lương Quang Kh là cán bộ địa chính của UBND xã. Gia đình bà Ng đã sử dụng phần đất mua của ông Nh ổn định từ đó đến nay. Trên đất có các tài sản

gồm: 01 nhà cấp bốn trên phần đất có diện tích 71m^2 (bà Ng đã xây cao thêm còn vị trí của ngôi nhà không thay đổi từ lúc mua đất của cụ Nh; bếp; phần đất là sân sau Tường nhà bếp có diện tích khoảng 10 m^2; phần đất xen kẹp giữa nhà bà và nhà của vợ chồng anh chị Th -T (có diện tích 6,48m^2). Năm 2003, UBND huyện Y đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà đối với phần đất này nhưng đến tận năm 2013 bà Ng mới nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D805147, số tờ bản đồ 14, số thửa 43, diện tích đất được cấp là 87,6m^2. Năm 2005, khi đó bà Ng không có ở nhà nên ông N đã chiếm phần đất sau phía nhà bếp của bà Ng cụ thể là anh N đã xây 01 hàng cay và lợp 6 viên Broximang để chứa những vật dụng linh tinh của anh N và sử dụng phần đất này làm chuồng gà. Khoảng 02 tháng sau, bà Ng về nhà và phát hiện anh N xây dựng và chiếm đất của bà thì bà đã phản đối anh N nhưng anh N không nghe. Năm 2013, sau khi bà đã nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà đã đề nghị ông Lương Quang Kh là cán bộ địa chính của UBND xã xuống kiểm tra đất của gia đình bà Ng thì đã phát hiện diện tích đất thực tế của gia đình bà bị thiếu so với diện tích ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà thì phần đất của bà gồm:

Phía Bắc giáp nhà ông Lê Nho B chiều dài 3,4m;

Phía Nam giáp nhà ông T chiều dài 3,4m;

Phía Tây giáp nhà ông V dài khoảng 3,8m;

Phía Đông Bắc giáp bức tường bếp chiều rộng 4,1m.

Nay bà Ng đề nghị vợ chồng anh N phải trả lại cho bà phần đất mà anh N đã lấn chiếm phần sau bếp có diện tích khoảng 12,6 m^2

Bà Ng nhất trí với kết quả của Hội đồng thẩm định ngày 09/5/2017 đo vẽ với diện tích đất tranh chấp sau nhà bếp của bà Ng là 10,63m^2 ; Phần diện tích đất xen kẹp giữa nhà bà Ng và nhà vợ chồng anh chị Th- T có diện tích là 6,48 m^2 là của bà Ng vì bà Ng đã được UBND huyện Y cấp Giấy CNQSD đất nên bà Ng không đồng ý với yêu cầu khởi kiện với anh N. Bà Ng cũng không đồng ý mua lại phần diện tích này vì nó là của gia đình bà Ng.

Bị đơn là anh Phan Văn N trình bày: Phần đất tranh chấp mà bà Ng đang khởi kiện anh có nguồn gốc là của bố mẹ anh. Năm 1993, anh được bố là ông Phan Văn Nh xây cho 01 nhà cấp bốn và bếp và khoảng vài năm sau thì bố anh đã bán nhà và đất cho vợ chồng ông Bùi Khắc T, bà Đỗ Thị Ng. Ngày 12/1/1998, 2 bên đã viết giấy mua bán và thỏa thuận phần diện tích chuyển nhượng trong khu vực xây dựng gồm: Toàn bộ nhà trên, ở giữa là sân, sau đó đến bếp. Còn phần đất sau nhà bếp thì bố anh không bán mà để làm đường đi lại từ nhà anh sang nhà anh Phan Văn Kh là anh trai của anh. Đến năm 2004, anh xây dựng 1 trái lợp Bro xi măng khoảng 10m^2 phần sau nhà bếp của bà Ng để làm kho chứa đồ đạc ....than củi vì ông làm nghề bán hàng ăn. Phần đất này thì

anh vẫn sử dụng ổn định từ trước khi bố anh là ông Nh bán đất cho vợ chồng ông T, bà Ng. Khi bán đất cho bà Ng thì bố ông đã không bán phần đất này vì phần đường trước nhà có độ vòng cung, mặt khác do bố ông xem tuổi của anh khi xây nhà và đã để lại một phần đất trống này (phần đất sau nhà bếp của bà Ng).

Nay, bà Ng yêu cầu anh trả lại phần đất tranh chấp có diện tích 12,6m^2 thì anh không đồng ý vì đất này thuộc quyền sử dụng của gia đình anh.

Anh đã nộp đơn có yêu cầu phản tố và yêu cầu bà Ng phải trả lại cho anh phần đất xen kẹp giáp nhà bà Nguyễn Thị Tân Th với bà Ng có diện tích khoảng hơn 6 m^2 (vợ chồng chị Th- anh T vẫn nhờ để rác trên phần diện tích đất này); Anh còn yêu cầu bà Ng phỉa bồi thường thiệt hại về tài sản do bà Ng đã tự ý phá dỡ gian bán mái mà anh đã xây dựng phía sau bếp của bà Ng với tổng số tiền là 15.000.000đ.

+ **Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Bùi Thị H trình bày: Chị là con của bà Ng và ông Bùi Khắc T, chị đồng ý với ý kiến của mẹ chị. Tháng 12/1997, gia đình chị chuyển về sống tại phần đất mua của ông Nh gồm: Nhà cấp 4 khoảng 40m^2; 1 bếp khoảng 10m^2; phần đất sau bếp là 01 sân khoảng hơn 10m^2 (bố mẹ chị đã cán xi măng năm 1998). Gia đình chị sử dụng đất ổn định đến năm 2005. Khi đó chị và mẹ chị là bà Ng đi làm xa nhà, ông N có lấn chiếm đất của gia đình chị cụ thể là anh N đã xây một bức Tòng chắn sau bếp và lợp Bro diện tích đã được thẩm định là 10,63m^2; theo giá trị thời điểm hiện tại khoảng 4 triệu đồng/1 m^2. Nay chị yêu cầu anh Phan Văn N phải trả lại diện tích đất lấn chiếm này cho gia đình chị. Anh N đã có đơn đề nghị phản tố đề nghị mẹ chị phải trả lại phần diện tích đất xen kẹp có diện tích 6,48 m^2 thì chị cũng không đồng ý vì phần đất này là của gia đình chị vì đã được UBND huyện Y cấp Giấy CNQSD đất.

2. Anh Lê Đình Ch trình bày: Anh là chồng chị H là con rể của bà Ng. Việc mua bán đất giữa ông Bùi Khắc T và gia đình ông Phan Văn Nh thì anh không được biết, chỉ có chị H là vợ anh sinh sống trên đất cùng với mẹ đẻ còn anh sống tại Hà Nội. Anh đề nghị xin phép được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc của Tòa án.

3. Chị Bùi Thị M trình bày: Chị là con gái cả của ông Bùi Khắc T và bà Đỗ Thị Ng. Tháng 2/1998, chị đi lấy chồng. Trước khi chị chưa đi lấy chồng thì chị cũng có một phần công sức đóng góp vào khối tài sản của bố mẹ chị nhưng nay chị không đòi hỏi gì về quyền lợi cho mình. Chị đồng ý với yêu cầu khởi kiện của mẹ chị đối với anh Phan Văn N. Anh N đã lấn chiếm đất của gia đình chị nên phải trả lại cho mẹ chị. Chị ủy quyền cho chị Bùi Thị H là em gái tham gia tố tụng tại Tòa án và chị đề nghị xin được vắng mặt khi hòa giải và xét xử vụ án.

4**. Chị Đặng Thị H1 trình bày:** Chị là vợ của anh Phan Văn N. Chị đồng ý với ý kiến của anh N đã trình bầy, chị ủy quyền cho anh N tham gia giải quyết vụ án.

4. Chị Phan Thị Vân D; bà Phan Thị Thu H3; bà Phan Thị Th; ông Phan Văn Kh; ông Phan Văn H2 đều trình bày: Các anh chị ông bà đều là con của ông Phan Văn Nh và bà Trịnh Thị M và là anh chị em ruột của anh Phan Văn N. Các anh chị ông bà đều đồng ý với lời trình bầy của anh N. Phần diện tích đất phía sau nhà bếp của bà Ng vẫn là của bố mẹ của các anh chị ông bà là ông Nh và bà M quản lý sử dụng để làm lối đi lại sang nhà ông Kh là anh trai cả. Sau khi ông Nh, bà M chết thì các anh chị em trong gia đình đều T để phần đất này để cho anh N quản lý, sử dụng. Từ đó đến nay thì anh N cũng đã sử dụng phần đất này để trồng cây cảnh và làm lối đi sang nhà ông Kh. Hiện nay bà Ng khởi kiện yêu cầu anh N trả lại phần diện tích đất này là không đúng vì đất đó thuộc quyền quản lý của anh N.

Về diện tích đất xen kẹp giáp nhà bà Nguyễn Thị Tân Th (bà Th mua lại của ông Luyện Trường S), khi ông Nh là bố các anh chị ông bà chuyển nhượng đất cho ông S và chuyển nhượng đất cho ông T chồng bà Ng (giáp đất ông S) thì để phần đất chuyển nhượng cho ông S và ông T vuông đất thì ông Nh đã để lại phần đất xen kẹp này không chuyển nhượng cho ai. Do vậy các anh chị, ông bà đều T cho anh N toàn quyền sử dụng phần đất xen kẹp này, đề nghị Tòa án buộc bà Ng phải trả lại diện tích lấn chiếm cho anh N.

Các anh chị, ông bà đều không đòi hỏi gì về quyền lợi đối với 02 phần đất tranh chấp này và đều ủy quyền cho anh N giải quyết việc tranh chấp đấtvvới bà Ng. Các anh chị ông bà xin phép được vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa giải và phiên tòa xét xử của Tòa án.

5. Bà Đặng Thị Th trình bày: Chồng bà là Phan Văn Tr con thứ hai của ông Phan Văn Nh và bà Trịnh Thị M và là anh trai của anh N, (sinh năm 1956, hiện đã chết). Bà đồng ý với ý kiến của anh N và không đòi hỏi gì về quyền lợi cho mình nên bà xin phép được vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa giải và phiên tòa xét xử của Tòa án.

6. Chị Phan Khánh H4; anh Phan Quốc C đều trình bày: Các anh chị là con của bố Phan Văn N và mẹ Bùi Thị H đều nhất trí với ý kiến của bố mẹ anh chị đã trình bầy. Vì bận công việc nên các anh chị đều đã ủy quyền cho ông Phan Văn N và đề nghị xin được vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa giải và phiên tòa xét xử của Tòa án.

7**. UBND thị trấn B do ông Lương Quang Kh - cán bộ địa chính đại diện theo ủy quyền trình bày:** Nguồn gốc của phần đất mà bà Đỗ Thị Ng đang sử dụng là do nhận chuyển nhượng từ cụ Phan Văn Nh bố anh N. Sau khi 2 bên chuyển nhượng thì gia đình bà Ng đã sử dụng ổn định từ năm 1998 đến nay.

Năm 2000, UBND thị trấn B đã đo đạc và thiết lập bản đồ địa chính chính quy. Hộ bà Ng và 1 số các hộ liền kề nhận chuyển nhượng đất của gia đình cụ Nh cũng được đo đạc và thiết lập tại tờ bản đồ số 13; 14. Quá trình đo đạc do người dẫn đạc (trưởng phố) không nắm chắc ranh giới diện tích đất thực tế sử dụng các hộ nên đã đo thẳng hết đất, do vậy diện tích đất của bà Ng đã lên đến 87,6m^2 (tăng lên so với diện tích mô tả trong giấy tờ mua bán giữa cụ Nh bán cho ông T là 16,4 m^2). Năm 2001, bà Ng đã làm thủ tục kê khai đăng ký xin cấp Giấy CNQSD đất và đã được lên UBND thị trấn B cấp Giấy CNQSD đất. Ngày 10/4/2011, UBND thị trấn đã làm tờ trình đề nghị chỉnh lý lại diện tích ghi trong Giấy CNQSD đất của bà Ng cho đúng với diện tích đất thực tế sử dụng. Bà Ng cũng đã đồng ý và ký vào hồ sơ này. Sau khi UBND thị trấn B hoàn thiện hồ sơ và gửi đến phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Y. Do diện tích đất cần chỉnh lý trong phần diện tích ghi trong Giấy CNQSD đất của bà Ng không đủ điều kiện để tách thửa. Tại Quyết định số 121, ngày 19/11/2008 của UBND tỉnh Bắc Giang đã quy định: Diện tích tối thiểu để tách thửa là 24m^2 trở lên và pH3 có lối đi từ đường vào. Vì vậy việc chỉnh lý về diện tích đất ghi trong Giấy CNQSD đất của bà Ng không thực hiện được. Còn phần diện tích đất 16,4 m^2 của hộ gia đình bà Ng đang sử dụng là phần diện tích đất mà UBND huyện Y đã cấp thừa cho bà Ng.

Nay các bên xảy ra tranh chấp, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Vì bận công việc nên ông đề nghị xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, buổi hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án.

14. UBND huyện Y do ông Nguyễn Văn Q đại diện theo ủy quyền trình bày: Năm 2003, hộ gia đình bà Đỗ Thị Ng trú tại phố T, thị trấn B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang được UBND huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hình thức Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất. Hộ gia đình bà Ng được công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 87,6m^2 đất ở tại thửa số 43, tờ bản đồ số 14. Việc UBND huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà Ng là đúng quy định của pháp luật. Từ khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay, hộ gia đình bà Ng không có khiếu nại đối với quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện.

Hiện nay các hộ xảy ra tranh chấp đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vì bận công việc nên ông xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, buổi hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án.

Do có nội dung trên, bản án sơ thẩm số 25/2017/DSST ngày 28/7/2017 của Toà án nhân dân huyện Y đã áp dụng khoản 9 Điều 26; Điều 147; Điều 157; Điều 165; khoản 1 Điều 91; Điều 227 và Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 2, Điều 305; Điều 604; Điều 605; Điều 608 bộ luật dân

sự. Khoản 1 Điều 203; Điều 166; Điều 170 Luật đất đai đã được sửa đổi, bổ sung năm 2013 và điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án xử**:**

1- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Ng (do chị Bùi Thị H đại diện) yêu cầu anh Phan Văn N phải trả lại diện tích 10,63 m^2 đất gồm các cạnh: Phía Đông Bắc là cạnh AB giáp bếp bà Đỗ Thị Ng dài 4,05m; phía Đông Nam là cạnh BD giáp đất nhà ông Lê Nho B dài 2,9m; phía Tây Nam là cạnh CD giáp phần đất anh Phan Văn N đang sử dụng và ao nhà ông Đào Văn V là 3,23m; phía Tây Bắc là cạnh AC giáp nhà chị Nguyễn Thị Tân Th dài 2,95m. Đất có trị giá là 21.260.000đ.

- Buộc bà Đỗ Thị Ng do chị Bùi Thị H đại diện phải trả cho anh Phan Văn N tiền phá dỡ công trình là 1.402.000đ.

- Xác nhận phần diện tích đất xen kẹp (là diện tích phần đất tiếp giáp đất nhà bà Nguyễn Thị Tân Th và đất bà Đỗ Thị Ng) có diện tích 6,48m^2 bao gồm: Phía Đông Bắc là cạnh AB giáp đường 292 dài 1,32m; phía Đông Nam là cạnh BD giáp đất nhà bà Đỗ Thị Ng dài 9,0 m; phía Tây Nam là cạnh AC giáp đất nhà bà Nguyễn Thị Tân Th dài 9,1m; phía Đông Nam là cạnh CD giáp đất bà Đỗ Thị Ng và đất Nguyễn Thị Tân Th dài 0.12m. Đất có trị giá là 21.384.000đ là thuộc quyền quản lý, sử dụng của vợ chồng anh Phan Văn N.

2 - Về tiền chi phí định giá tài sản: Buộc bà Đỗ Thị Ng do chị Bùi Thị H đại diện phải hoàn trả cho anh Phan Văn N số tiền 2.000.000đ.

3 - Về án phí dân sự: Bà Đỗ Thị Ng không phải chịu tiền APDSST; Hoàn trả bà Ng số tiền đã nộp tạm ứng án phí 1.260.000đ tại Biên lai thu tiền số AA/2012/01939 ngày 15/6/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

Anh Phan Văn N không phải chịu tiền án phí DSST. Hoàn trả anh Phan Văn N số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại các Biên lai thu tiền số AA/2014/0003737 ngày 30/11/2015 số tiền 750.000đ và số tiền 630.000đ biên lai thu số AA/2014/0004064 ngày 07/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử, ngày 08/8/2017, bà Nga nộp đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm đã xử.

Tại phiên tòa, bà Ng là Nguyên đơn do chị H đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

+Bà Ng do chị H đại diện theo ủy quyền trình bầy:

-Phần đất tranh chấp có diện tích 10,63 m^2 ở phía sau bếp đã được ông T mua của ông Nh là bố của anh N, phần đất này đã được UBND huyện Y cấp

Giấy chứng nhận QSDĐ cho bà Ng nên thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Ng, anh N phải trả lại phần đất tranh chấp này cho bà Ng.

-Phần đất xen kẹp có diện tích 6,48m^2 mà anh N có yêu cầu phản tố đề nghị bà Ng trả lại thì bà Ng không đồng ý vì bà Ng vẫn đang quản lý sử dụng và bà Ng cũng đã được UBND huyện Y cấp Giấy chứng nhận QSDĐ.

Bà Ng cũng không đồng ý mua lại 02 phần đất tranh chấp này vì nó thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình bà Ng.

+Anh N trình bầy: Anh không đồng ý với kháng cáo của bà Ng. 02 phần đất tranh chấp này có nguồn gốc của bố mẹ anh để lại mà bố mẹ anh không chuyển nhượng cho bà Ng. Trong "Giấy mua bán" nhà và đất giữa bố anh và ông T không có phần đất tranh chấp này. Phần đất sau hộ gia đình ông Lê Nho B và vợ chồng chị Th, anh T cùng phần đất sau bếp của bà Ng này vẫn do anh đang quản lý sử dụng làm lối đi từ nhà anh sang nhà anh Kh là anh trai của anh nên anh cũng không đồng ý chuyển nhượng cho bà Ng. Đối với phần đất xen kẹp giữa bà Ng và hộ gia đình chị Th, anh T thì anh đồng ý để cho bà Ng quản lý, sử dụng nhưng bà Ng phải trả lại cho anh 1 khoản tiền tương ứng với giá trị đất đã được định giá.

+ Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Ng, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Theo bản đồ giải thửa năm 1984 tại tờ bản đồ số 4, thị trấn B thì hộ gia đình ông Phan Văn Nh và bà Trịnh Thị M có đất thổ cư có diện tích là 142m^2 (tại thửa 44), đất ao có diện tích là 192m^2 (thửa số 43); Theo bản đồ giải thửa năm 1993 thì ông Nh và bà M có đất thổ cư có diện tích 96m^2 (thửa số 204); đất ao có diện tích là 430m^2 (thửa số 203)-(BL 333).

Ông Nh và bà M có 07 người con là:

1- Phan Thị Th, sinh năm 1951;

2-Phan Văn T, sinh năm 1956- (đã chết);

3- Phan Văn H2, sinh năm 1959;

4- Phan Văn Kh, sinh năm 1961;

5- Phan Van N, sinh năm 1965;

6- Phan Thị Thu H3, sinh năm 1969;

7- Phan Thị Vân D, sinh năm 1971.

Năm 1993, anh N được vợ chồng ông Nh cho 01 phần đất ở và 01 nhà cấp 4. Anh N ở nhà và đất đó được vài năm thì ông Nh đã chuyển nhượng nhà

và đất đó cho vợ chồng ông Bùi Khắc T, bà Đỗ Thị Ng. Ông Nh đã cho anh N 01 thửa đất khác. Đất ở hiện nay của hộ gia đình anh N tiếp giáp với đất ở của hộ gia đình chị Nguyễn Thị Tân Th và anh Đào Quang T; đất ở của hộ gia đình chị Th và anh T tiếp giáp với đất ở của hộ gia đình bà Ng, ông T; đất ở của hộ bà Ng lại tiếp giáp với đất ở của hộ ông Lê Nho B; đất ở của ông B lại tiếp giáp với đất ở của hộ gia đình ông Thân Văn Kh là anh trai của anh N-(sơ đồ đất: BL 150).

Nguồn gốc của thửa đất của vợ chồng chị Th, anh T là do ông Nh chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị B; chị B lại chuyển nhượng đất cho vợ chồng chị Đào Thị L và anh Luyện Trường S sau đó vợ chồng chị L, anh S đã chuyển nhượng đất cho vợ chồng chị Th.

Nguồn gốc đất của ông Lê Nho B cũng là do ông B nhận chuyển nhượng của ông Nh và bà M mà có.

Năm 2005, bà Ng và vợ chồng anh N xảy ra tranh chấp đối với phần diện tích đất nằm phía ngoài tường bếp của hộ gia đình bà Ng. Bà Ng đã làm đơn khởi kiện đề nghị anh N phải trả lại cho bà phần đất tranh chấp có diện tích là 10,63m^2. Căn cứ khởi kiện của bà Nga là phần đất này đã được UBND huyện Yên Thế cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ gia đình bà Ng. Bà Ng cho rằng khi bà Ng đi vắng thì anh N đã xây tường và lợp ngói Broxi măng lên phần diện tích đất này.

Phía anh N cho rằng phần đất tranh chấp này là của bố mẹ anh để lại cho anh sử dụng mà không chuyển nhượng cho bà Ng vì "Giấy bán nhà" của bố anh đã viết thể hiện không có phần diện tích đất này. Bà Ng còn thuê người tháo dỡ các tài sản mà anh N đã xây dựng trên phần đất này. Anh N còn có yêu cầu phản tố đề nghị bà Ng phải trả lại phần đất tranh chấp có diện tích 6,48 m^2 nằm xen kẹp giữa phần đất của hộ gia đình bà Ng và phần đất của hộ gia đình chị Th và anh T. Phần đất xen kẹp này thì bà Ng vẫn đang quản lý và sử dụng để đổ rác. Anh N còn yêu cầu bà Ng bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền 15.000.000đ do bà Ng tháo dỡ 1 số các tài sản của anh N trên phần đất tranh chấp có diện tích 10,63 m^2.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm:

Chị Bùi Thị H, chị Bùi Thị M đều là con gái bà Ng đều nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Ng và yêu cầu anh N phải trả lại cho bà Ng phần đất phía sau bếp bà Ng diện tích là 10,63m^2.

Theo Biên bản định giá tài sản thì 1m^2 đất tranh chấp có giá là 4 triệu đồng. 02 phần đất tranh chấp này có giá trị 50.400.000đ.

Phía bà Phan Thị Th, bà Đặng Thị Th1, ông Phan Văn H2, ông Phan Văn Kh, bà Phan Thị Thu H3, bà Phan Thị Vân D (đều là các anh em ruột của anh Nam); chị Phan Khánh H4, anh Phan Quốc C (đều là con của anh N) đều thể

hiện quan điểm không đồng ý về việc bà Ng khởi kiện đòi anh N phải trả lại phần đất tranh chấp vì phần diện tích đất đó không nằm trong phần diện tích đất mà ông Nh đã chuyển nhượng cho vợ chồng bà Ng. Các ông bà anh chị đều thống nhất cho anh N toàn quyền sử dụng mà không có yêu cầu gì về quyền lợi.

Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Y đã bác yêu cầu khởi kiện của bà Nga và chấp nhận 1 phần yêu cầu phản tố của anh N buộc bà N phải trả lại cho anh Nam tiền phá dỡ công trình là 1.402.000đ.

- Xác nhận phần diện tích đất xen kẹp (là diện tích phần đất tiếp giáp đất nhà bà Nguyễn Thị Tân Th và đất bà Đỗ Thị Ng) có diện tích 6,48m^2 là của vợ chồng anh N.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Ng kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đã xử.

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Ng về phần đất tranh chấp có diện tích 10,63 m^2 nằm phía sau nhà bếp của bà Ng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Mặc dù phần đất tranh chấp có diện tích 10,63 m^2 nằm phía sau nhà bếp của bà Ng đã được UBND huyện Y cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho bà Ng nhưng theo "Giấy bán nhà" giữa ông Nh và ông T (chồng bà Ng) ghi ngày 10/1/1998 (có chữ ký của ông Nh) có nội dung:

"Tôi là Phan Văn Nh có một căn nhà nằm trong khu vực cuối xóm T hiện cho con trai tôi là Phan Văn N ở nhờ nay vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên tôi phải bán đi cho ông Bùi Khắc T cùng phố, căn hộ nằm trên mặt đường bề mặt đường cuối phố T, căn nhà kéo dài xuống đến một bếp nhỏ. Toàn bộ diện tích nằm trong khoảng từ nhà trên đến hết tường cuối của bếp với số tiền là 25.000.000đ", (BL 113).

Như vậy, phần đất mà ông Nh đã chuyển nhượng cho vợ chồng bà Ng như đã nêu ở trên thì không có phần đất tranh chấp này.

Theo hiện trạng thửa đất của hộ gia đình bà Ng do chính quyền địa phương cung cấp và tại trích lục bản đồ thửa đất và sơ đồ hiện trạng thửa đất của Hội đồng thẩm định thì phần đất các hộ gia đình bà Ng, gia đình chị Th, anh T và gia đình ông B (là những hộ gia đình đã nhận chuyển nhượng nhà đất ở của ông Phan Văn Nh) đều có bờ tường ngăn cách với phần đất trống tiếp giáp với diện tích đất ao của hộ gia đình ông Đào Văn V. Phần đất trống này được hộ gia đình anh N dùng để trồng cây cảnh và làm đường đi sang hộ gia đình anh Phan Văn Kh là anh trai của anh N.

UBND thị trấn B cũng đã thể hiện quan điểm: Nguồn gốc của phần đất mà bà Đỗ Thị Ng đang sử dụng là do nhận chuyển nhượng từ ông Phan Văn Nh (bố anh N). Sau khi 2 bên chuyển nhượng thì gia đình bà Ng đã sử dụng ổn định từ năm 1998 đến nay. Năm 2000, UBND thị trấn B đã đo đạc và thiết lập bản đồ địa chính chính quy. Hộ bà Ng và 1 số các hộ liền kề nhận chuyển nhượng đất của gia đình ông Nh cũng được đo đạc và thiết lập tại tờ bản đồ số 13; 14. Quá

trình đo đạc do người dẫn đạc (trưởng phố) không nắm chắc ranh giới diện tích đất thực tế sử dụng các hộ nên đã đo thẳng hết đất. Do vậy nên diện tích đất của bà Ng đã tăng lên 87,6m^2 (tăng lên so với diện tích được mô tả trong giấy tờ mua bán đất giữa ông Nh và ông T là 16,4 m^2). Năm 2001, bà Ng đã làm thủ tục kê khai đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận QSDĐ. Sau đó bà Ng đã được UBND thị trấn B cấp Giấy chứng nhận QSDĐ. Ngày 10/4/2011, UBND thị trấn B đã làm tờ trình đề nghị UBND huyện Y chỉnh lý lại phần diện tích ghi trong Giấy chứng nhận QSDĐ của bà Ng cho đúng với diện tích đất thực tế mà bà Nga đang sử dụng. Bà Nga cũng đã đồng ý và ký vào hồ sơ này. Sau khi UBND thị trấn B hoàn thiện hồ sơ và gửi đến phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Y. Nhưng theo Quyết định số 121, ngày 19/11/2008, UBND tỉnh Bắc Giang đã quy định: Diện tích tối thiểu để tách thửa là 24m^2 trở lên và phải có lối đi từ đường vào. Do phần diện tích đất của bà Nga cần chỉnh lý là 16,4 m^2 không đủ điều kiện để tách thửa theo quy định trên nên việc chỉnh lý về diện tích đất ghi trong Giấy chứng nhận QSDĐ của bà Ng không thể thực hiện được. Như vậy, phần đất dôi dư có diện tích 16,4m^2 do bà Ng đang sử dụng là do UBND huyện Y đã cấp thừa cho bà Ng, (BL 08; 52; 481).

Một số người làm chứng là ông B, bà L, chị Th là thành viên của các hộ gia đình có đất ở tiếp giáp với đất ở của anh N và bà Ng (các hộ này đều có đất ở có nguồn gốc đất nhận chuyển nhượng của ông Nh là bố anh N); ông Đào Xuân V là hàng xóm với anh N và bà Ng đều khẳng định: Khi ông Nh bán nhà đã có sẵn trên đất cho các hộ gia đình thì ông Nh chỉ bán đúng diện tích đất đã được xây dựng nhà và các công trình trên đất đó. Phía sau nhà của các ông bà, anh chị vẫn có 01 phần đất trống mà ông Nh để lại làm đường đi từ nhà anh N sang nhà anh Kh. Phần đất trống này hiện nay anh N vẫn đang quản lý và sử dụng, (BL 121; 122; 126; 237).

Mặt khác kể từ thời điểm nhận chuyển nhượng nhà và đất từ ông Nh thì bà Ng cũng chưa xây dựng gì thêm mà bà Ng vẫn sử dụng đúng với thực trạng khuôn viên của nhà và công trình trên đất, ranh giới của thửa đất hộ gia đình bà Ng với các hộ gia đình liền kề từ đó đến nay vẫn không có sự thay đổi.

Từ sự phân tích trên thì việc bà Ng khởi kiện đòi anh N phải trả lại cho bà Ng phần đất tranh chấp có diện tích 10,63 m^2 nằm phía sau nhà bếp của bà Ng là không có cơ sở chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của bà Ng là có căn cứ. Hội đồng xét xử xét thấy: Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về nội dung trên.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Ng về phần đất tranh chấp có diện tích 6,48m^2 nằm xen kẹp giữa thửa đất của bà Nguyễn Thị Tân Th và thửa đất bà Đỗ Thị Nga theo yêu cầu phản tố của anh N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Phần đất tranh chấp này được vẽ là hình tứ giác A1B1D1C1gồm:

- Phía Đông Bắc là cạnh A1B1 giáp đường 292 dài 1,32m;
- Phía Đông Nam là cạnh B1D1 giáp đất nhà bà Ng dài 9,0 m;
- Phía Tây Nam là cạnh A1C1 giáp đất nhà bà Th dài 9,1m;
- Phía Đông Nam là cạnh C1D1 giáp đất bà Ng và đất bà Th dài 0.12m. (Đất có trị giá là 21.384.000đ).

Căn cứ vào nguồn gốc sử dụng đất cũng như giấy tờ mua bán và hiện trạng sử dụng đất như trên thì phải khẳng định khi ông Nh chuyển nhượng nhà, đất cho các hộ gia đình bà Ng, chị B (nay là hộ gia đình chị Nguyễn Thị Tân Th) đều là đường thẳng và trên phần đất chuyển nhượng đã có công trình xây dựng nên còn thừa diện tích đất này (khi xây dựng nhà ông Nh đã bỏ lại phần đất thừa này để xây tường ngăn cho vuông đất). Kể từ khi các hộ gia đình bà Ng, chị Th mua nhà và đất của ông Nh thì các hộ gia đình này đều chưa xây dựng lại nhà nên ranh giới đất giữa các hộ gia đình này vẫn không có gì thay đổi. Phần diện tích đất xen kẹp giữa đất của hộ gia đình bà Ng và đất của hộ gia đình chị Th kể từ năm 1998 (khi ông Nh bán nhà cho vợ chồng bà Ng) đến nay thì bà Ng, cũng như vợ chồng anh T, chị Th đều không phải nộp thuế đối với Nhà nước. Phía vợ chồng chị Th, anh T cũng không có yêu cầu gì về phần đất này. Phần diện tích đất này cũng không nằm trong Giấy chứng nhận QSDĐ mà UBND huyện Y đã cấp cho hộ gia đình bà Ng và hộ gia đình chị Th, anh T nên vẫn thuộc quyền sử dụng của ông Nh.

Nay các anh em ruột của anh N đều đồng ý cho anh N sử dụng phần đất này, Tòa sơ thẩm đã giao phần đất này cho anh N quản lý sử dụng là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, anh N đồng ý để cho bà Ng quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp có diện tích là 6,48m^2 nhưng bà Ng phải trả cho anh N số tiền 21.384.000đ (theo Biên bản định giá tài sản ngày 09/5/2017). Hội đồng xét xử xét thấy: Vì phần đất này ở ngay sát cạnh thửa đất của bà Ng mà cũng không nằm sát với phần đất ở của anh N và phần đất này cũng không đủ diện tích tối thiểu để tách thửa theo Quyết định 745/2014/QĐ-UBND tỉnh Bắc Giang nên cần giao cho bà Nga quản lý, sử dụng và buộc bà Ng phải trả cho anh N số tiền trên.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Ng về phần bồi thường thiệt hại về tài sản đối với yêu cầu phản tố của anh N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Anh N yêu cầu bà Đỗ Thị Ng phải bồi thường thiệt hại do bà Ng thuê người tháo dỡ công trình xây dựng sau bếp và làm hỏng đồ đạc với số tiền là 1.500.000đ. Phía bà Ng thừa nhận có nhờ người tháo dỡ phần ngói Broxi măng và 4 hàng cay của gia đình anh N vì cho rằng anh N đã tự ý xây dựng lấn chiếm đất của bà Ng. Do yêu cầu khởi kiện đòi QSDĐ của bà Ng không được Tòa án chấp nhận nên Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bà Ng phải bồi thường cho anh N số tiền mà anh N bị thiệt hại là 1.402.000đ (Theo Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự năm 2014 của Hội đồng định giá tài sản số 41/HĐĐGTS ngày

03/11/2014) là đúng quy định tại các Điều 604; 605; 608 Bộ luật dân sự năm 2005. Hội đồng xét xử xét thấy cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về nội dung trên.

[4] Về phần án phí dân sự: Do bà Ng là người cao tuổi nên cần áp dụng Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 miễn toàn bộ án phí cho bà Nga.

Để thuận lợi cho việc thi hành án, Hội đồng xét xử xét thấy cần sửa lại cách tuyên án và có sơ đồ phần đất tranh chấp kèm theo bản án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS, sửa 1 phần bản án sơ thẩm đã xử;

Áp dụng khoản 9 Điều 26; Điều 147; Điều 157; Điều 165; khoản 1 Điều 91; Điều 227 và Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 2, Điều 305; Điều 604; Điều 605; Điều 608 bộ luật dân sự năm 2005;

Khoản 1 Điều 203; Điều 166; Điều 170 Luật đất đai đã được sửa đổi, bổ sung năm 2013 và điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án xử**:**

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Ng yêu cầu anh Phan Văn N phải trả lại phần đất tranh chấp là hình tứ giác ABDC có diện tích 10,63m^2 đất (có trị giá 21.260.000đ) cụ thể như sau:

Phía Đông Bắc là cạnh AB giáp bếp bà Đỗ Thị Ng dài 4,05m;

Phía Đông Nam là cạnh BD giáp đất nhà ông Lê Nho B dài 2,9m;

Phía Tây Nam là cạnh CD giáp phần đất ông Phan Văn N đang sử dụng và ao nhà ông Đào Văn V dài 3,23m;

Phía Tây Bắc là cạnh AC giáp nhà chị Nguyễn Thị Tân Th dài 2,95m.

- Bà Đỗ Thị Ng được quản lý, sử dụng phần đất xen kẹp (phần đất tiếp giáp với đất hộ gia đình chị Nguyễn Thị Tân Th và đất của hộ gia đình bà Đỗ Thị Ng) là hình tứ giác A1B1D1C1 có diện tích 6,48m^2 cụ thể như sau:

Phía Đông Bắc là cạnh A1B1 giáp đường 292 dài 1,32m;

Phía Đông Nam là cạnh B1D1 giáp đất bà Đỗ Thị Ng dài 9,0 m;

Phía Tây Nam là cạnh A1C1 giáp đất chị Nguyễn Thị Tân Th dài 9,1m;

Phía Đông Nam là cạnh C1D1 giáp đất bà Đỗ Thị Ng và đất chị Nguyễn Thị Tân Th dài 0.12m.

(Có sơ đồ kèm theo bản án).

- Bà Ng phải trả cho anh Phan Văn N số tiền 21.384.000đ, (Hai mươi mốt triệu ba trăm tám mươi tư ngàn đồng chẵn) là giá trị của phần đất tranh chấp có diện tích 6,48m^2.

- Buộc bà Đỗ Thị Ng phải phải trả cho Phan Văn N tiền bồi thường thiệt hại về tài sản là: 1.402.000đ, (Một triệu bốn trăm linh hai ngàn đồng chẵn).

2 - Về tiền chi phí định giá tài sản: Buộc bà Đỗ Thị Ng do chị Bùi Thị H đại diện phải hoàn trả cho anh Phan Văn N số tiền 2.000.000đ.

3 - Về án phí DSST: Bà Đỗ Thị Ng không phải nộp án phí DSST;

-Hoàn trả bà Ng số tiền đã nộp tạm ứng án phí đã nộp là 1.260.000đ tại biên lai thu tiền số AA/2012/01939 ngày 15/6/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

-Hoàn trả anh Phan Văn N tổng số tiền 1.380.000đ do anh Nam đã nộp tiền tạm ứng án phí tại các Biên lai thu tiền của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Bắc Giang gồm:

+750.000đ tại Biên lai thu tiền số AA/2014/0003737 ngày 30/11/2015;

+630.000đ tại Biên lai thu tiền số AA/2014/0004064 ngày 07/12/2016.

3 - Về án phí DSPT: Bà Đỗ Thị Ng không phải nộp án phí DSPT.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7, điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:
- VKSND tỉnhBắc Giang;
- Toà án nhân dân huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Phạm Thị Minh Hiền